

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thu T ,sinh năm 1977

Trú tại: Xóm An Hòa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

(ông C, bà T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn H và anh Phạm Sỹ C là người cùng xóm An Hòa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên. Sáng ngày 02/02/2020, H đi qua nhà anh C nhìn thấy trong sân sát tường rào có treo các lồng nuôi chim cảnh nên Hà đã có ý định chiếm đoạt chim cảnh về nuôi. Khoảng 00 giờ 55 phút ngày 04/02/2020, Đỗ Văn H đi bộ từ nhà mình đến nhà anh Phạm Sỹ C. Khi đến nơi, thấy cổng nhà anh C đóng cửa, sân có bóng điện chiếu sáng, xung quanh không có người, Hà trèo qua tường rào vào trong sân nhà anh C phát hiện và lấy 03 lồng chim nhà anh C gồm: 01 lồng chim treo trên cành cây mít sát tường rào, lồng chim bằng kim loại trong có 01 con **chim sáo lang**; tiếp tục vào trong sân phát hiện lồng chim bằng kim loại hình trụ tròn, bên ngoài che mảnh vải màu đỏ, bên trong có chim **khướu bạc má**, lồng chim này được treo trên giàn hoa lan, Hà bắc ghế với tay lấy lồng chim đặt xuống đất; Sau đó H tiến đến cạnh hiên nhà lấy tiếp 01 lồng chim làm bằng khung gỗ có thanh nam kim loại màu sơn trắng, bên ngoài che một mảnh vải màu đỏ, bên trong có 01 con **chim chào mào mũ hót thường**. H mang 03 lồng chim cùng 03 con chim cảnh rồi trèo tường ra ngoài và lấy 01 gậy tre hình tròn, thẳng dài 02 m, đường kính to nhất 02 cm để nhấc lồng chim qua tường rào. H đưa que tre qua ô thoáng của tường rào nhấc từng lồng chim một và móc vào tường rào mang ra ngoài. Khi mang được 03 lồng chim ra ngoài H mang thẳng về nhà cất giấu tại gian chuồng chăn nuôi của gia đình. Khoảng 02 h cùng ngày, anh C thức dậy, phát hiện mất 03 lồng chim. Anh Cường và vợ là chị Đỗ Thu T kiểm tra lại camera an ninh của gia đình phát hiện người lấy trộm lồng chim là Đỗ Văn H, cùng xóm An Hòa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên. Anh C đã có đơn trình báo Công an xã Thành Công, đồng thời giao nộp thông tin, hình ảnh thu được từ camera an ninh của gia đình. Tiếp nhận thông tin, Công an thị xã Phổ Yên tiến hành triệu tập Đỗ Văn H lên làm việc. Bước đầu Đỗ Văn H khai nhận nội dung sự việc phù hợp với dữ liệu thu được từ camera an ninh do bị hại cung cấp.

Công an thị xã Thành Công đã lập biên bản sự việc với Đỗ Văn H, thu giữ vật chứng đồng thời bàn giao hồ sơ cùng đối tượng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 lồng chim bằng kim loại màu trắng, kích thước 33x31 cm, cao 56 cm, bên trong có 01 con chim sáo lang màu xám - trắng - đen, bên ngoài lồng chim bọc một áo vải màu vàng cũ;

01 lồng chim khung gỗ màu nâu, xung quanh có nan kim loại sơn trắng, kích thước 33 x 33,5 cm, cao 56 cm, bên trong có 01 con chim chào mào mũ hót thường màu nâu - trắng, bên ngoài lồng chim che một mảnh vải màu đỏ cũ;

01 lồng chim bằng kim loại màu trắng, hình trụ tròn đường kính 40 cm, cao 75 cm bên trong có 01 con chim khướu bạc má màu nâu, phần ngực màu đen - trắng, bên ngoài lồng chim che một mảnh vải màu đỏ cũ.

Ngày 04/02/2020 CQCSĐT Công an thị xã Phổ Yên ra yêu cầu định giá tài sản số 07/CSĐT đối 03 lồng chim và chim cảnh nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG ngày 06/02/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 con chim cảnh loại chim sáo lang màu lông xám - trắng - đen trong lồng kim loại trắng; 01 con chim chào mào mũ hót thường màu lông nâu - trắng trong lồng khung gỗ; 01 con chim cảnh loại khướu bạc má màu nâu, phần ngực màu đen - trắng trong lồng kim loại màu trắng hình trụ tròn có giá là: **5.900.000đ** (*Bằng chữ: Năm triệu chín trăm ngàn đồng chẵn*).

Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tài sản nêu trên được trả cho chủ sở hữu anh Phạm Sỹ C. Ngoài ra anh C yêu cầu Đỗ Văn H phải bồi thường thiệt hại số tiền: 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Ngày 06/02/2020 Đỗ Văn Hà đã thực hiện xong việc bồi thường cho anh C số tiền 13.000.000đ.

Với nội dung nêu trên, tại bản cáo trạng số 94/KSĐT - VKSPY ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên đã truy tố Đỗ Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Đỗ Văn H tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

1) Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào Luật người Cao tuổi thì Bị cáo H thuộc diện người cao tuổi. Các hoạt động của cơ thể đều bị giảm sút, thiếu năng động. Mặt khác, bắt một người già chịu một hình phạt nghiêm khắc là không cần thiết xuất phát từ tinh thần nhân đạo.

Đề nghị HĐXX:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, h, s, b, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Đỗ Văn H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Biện pháp tư pháp (TNDS): Không.

2) Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo có đơn xin miễn án phí, bản thân bị cáo là người già nên Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Ý kiến của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, đề nghị Tòa án cho hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Thủ tục tố tụng:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố và xét xử đối với bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn H giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ; kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Rạng sáng ngày 04/02/2020, tại gia đình anh Phạm Sỹ C, chị Đỗ Thu T thuộc xóm An Hòa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Đỗ Văn Hà có hành vi trèo tường rào vào sân trộm 03 con chim, lồng chim cảnh của anh C. Tại Bản kết luận định giá số 07/KLĐG ngày 06/02/2020 của Hội đồng định giá xác định giá trị như sau: 01 con chim cảnh loại chim sáo lang màu lông xám - trắng – đen trong 01 lồng bằng kim loại màu trắng giá **1.700.000đ**; 01 con chim cảnh loại chim chào mào mũ hót

thường màu lông nâu - trắng trong 01 lồng khung gỗ có giá **1.700.000đ**; 01 con chim cảnh loại chim khướu bạc má màu nâu, phần ngực màu đen - trắng trong 01 lồng bằng kim loại màu trắng hình trụ tròn, có giá **2.500.000đ**. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: **5.900.000đ** (Năm triệu chín trăm ngàn đồng).

[3]. Bản cáo trạng số 94/ CT - VKSPY ngày 25/5/2020 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Đỗ Văn H về tội Trộm cắp tài sản tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cụ thể Điều luật có nội dung như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[4] Về ý thức thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo là người đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sự thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để chiếm đoạt tài sản chót lọt, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và là lần đầu thực hiện hành vi phạm tội; Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã thực hiện bồi thường số tiền do bị hại yêu cầu 13.000.000đ trong giai đoạn điều tra vụ án. Do đó, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ TNHS được hưởng tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 52 BLHS.

[6]. HĐXX nhận định về hình phạt cần áp dụng:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Theo hướng có lợi cho người phạm tội, căn cứ về điều kiện cho hưởng án treo quy định tại mục 2, 3, 4 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65

BLHS năm 2015, thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, không cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà cho bị cáo được tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình nơi cư trú cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập do là người cao tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Sỹ Cường mặc dù vắng mặt tại phiên tòa xong có đơn xác nhận bị cáo H đã trả lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt gồm 03 con chim cảnh và lồng chim, đồng thời thực hiện xong việc bồi thường và anh không yêu cầu bồi thường tiếp. Do đó, HĐXX không đề cập mà ghi nhận giữa bị cáo và bị hại đã bồi thường xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Đỗ Thu T, (là vợ anh C) xác nhận tài sản bị Đỗ Văn H chiếm đoạt là tài sản chung vợ chồng nay được hoàn trả toàn bộ và nhận được tiền bồi thường và cũng không yêu cầu tiếp. Do đó, HĐXX không xem xét TNDS.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người già theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH 14, bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí nên không phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.Về hình phạt:

* *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Đỗ Văn H** 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Thành Công, thị xã Phổ Yên nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

(Bị cáo được giải thích chế định án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017... Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

**Về hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo H

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản 03 con chim cảnh và 13.000.000đ tiền bồi thường.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Văn H được miễn tiền án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại và người liên quan (anh C, chị T) Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, đại diện bị cáo)

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Tòa án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,